

Số: **47/2021/QĐST-HNGĐ**

Đà Lạt, ngày 03 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 741/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Vĩnh N**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Xuân D**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Vĩnh N và anh Nguyễn Xuân D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Vĩnh N và anh Nguyễn Xuân D thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị Hồ Vĩnh N và anh Nguyễn Xuân D thỏa thuận chị Hồ Vĩnh N trực tiếp nuôi con Nguyễn An P, sinh ngày 28/01/2017. Anh Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

2.3 Về tài sản chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Hai bên xác định vợ chồng không có nợ chung.

2.5 Về án phí: Chị Hồ Vĩnh N thỏa thuận chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003344 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND Phường Đ, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Diệu Nga